



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN Ngoc Quang
Last Middle First

Current Address 112 3/2 Street CAN THO VN

Date of Birth 12.30.39 Place of Birth BINH DINH VN

Previous Occupation (before 1975) CAPTAIN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 5.1.1975 To 12.20.1980
(6y)

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN NGOC CUONG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1 <u>TRUONG Thi Kim Duong</u>	<u>1964</u>	<u>Wife</u>
2 <u>NGUYEN QUANG TRUONG</u>	<u>1964</u>	<u>Son</u>
3 <u>NGUYEN Thi TRUONG VI</u>	<u>1967</u>	<u>girl</u>
4 <u>NGUYEN Thi PHUONG THAO</u>	<u>1969</u>	<u>girl</u>

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Cần thơ, ngày 02-12-1988.

Kính thưa bà,

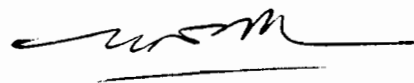
Gia đình tôi đã nộp đơn trong chương trình ra đi có trật-từ lately lâu nay. Chúng tôi rất muốn biết đơn thành câu gì được xử lý như thế nào ; nhưng vì không có thân nhân ở nước ngoài, nên đành chịu !

Nay chúng tôi gửi theo đây khai-sơ, gởi tờ có liên quan đến đơn xin đi như Bà. Vì lòng nhân đạo giúp đỡ chúng tôi ; Bởi thế các gởi con thiều, nhắc nhở, để chúng tôi sớm có được kết quả theo đơn thỉnh nguyện.

Về phía Việt nam, chúng tôi cũng đã nộp hồ-sơ xin xuất-cảnh định cư tại Hoa-kỳ, chỉ xem xét gởi quyết.

Kính gởi lời đây lòng biết ơn chân thành và sâu xa nhất của gia đình tôi.

Kính thư,



Nguyễn Ngọc Cường

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS .

Câu hỏi cho người nộp đơn.

A/- BASIC IDENTIFICATION DATE :

ly lịch căn bản.

1- Name. : NGUYỄN NGỌC CƯỜNG
họ tên

2- Other Name :
họ tên khác

3- Date /Place of birth : 30 December 1939 , Bình Định
ngày /nơi sinh

4- Residence address. : 112 , 3 February Road, Cantho Hậu Giang
Địa chỉ thường trú Việt Nam.

5- Mailing address :
Địa chỉ thư từ

6- Current Occupation : Tailor.
Nghề nghiệp

B- RELATIVES TO ACCOMPANY ME :

Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M) , Divorced (D) , Widowed (W) , or single (S) .

(CHÚ Ý) : vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi, kê khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M) Đã ly dị (D) góa phụ / góa tử (W) hoặc độc thân (S)

Name. : họ tên	Date of Birth ngày tháng năm sinh,	Place of birth nơi sinh , tỉnh gia đình,	Sex, - ship .	Ms, Relation liên hệ gia đình.
-------------------	---------------------------------------	--	------------------	-----------------------------------

1/- Trương Thị Kim Dung ,	20 July 1941	Bình Định	F	M Spouse
---------------------------	--------------	-----------	---	----------

2/- Nguyễn Quang Trường ,	4 April 1964	Bình Định	M	S Son
---------------------------	--------------	-----------	---	-------

3/- Nguyễn Thị Tường Vi ,	6 January 1967	Cantho	F	S Girl
---------------------------	----------------	--------	---	--------

4/- Nguyễn Thị Phương Thảo	27 January 1969	Cantho	F	S Girl
----------------------------	-----------------	--------	---	--------

5/-

6/-

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificated, marriage certificated (if married), divorce decrees (if divorced spouse 's death certificate (if widowed) . Identification cards (if available), and Photos, if any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below)

CHÚ Ý : cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, giấy thu (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (giấy ly hôn nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/ chồng (nếu góa phụ/ góa tử) thẻ căn cước (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I).

C/- Relatives Outside Việt-Nam :

họ hàng ở ngoại quốc .

1- Closest relative in the U.S :
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ.

a- Name :
họ và tên

b- Relationship :
Liên hệ gia đình.

a- Address :
Địa chỉ

- a- Name :
họ, tên :
b- Relationship :
liên hệ gia đình
c- Address :
địa chỉ

2/- CLOS ST RALATIVE IM OTHER POEIGN COUNTRIES :
bà con thân thuộc nhất ở các nước khác .

- a- Name :
họ tên
b- Relationship :
liên hệ gia đình
c- Address :
địa chỉ

D/- COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/ DEAD)

Name

Address :

- 1- Father : Nguyễn Hùng (dead)
cha
2- Mother : Tô thị Châu (dead)
mẹ
3- Spouse : Trương thị Kim Dung
vợ/ chồng
4- Former Spouse (if any) :
vợ/ chồng trước (nếu có)
5- Children :
con cái :
1- Nguyễn Quang Trường
2- Nguyễn thị Hồng Vi
3- Nguyễn thị Phương Thảo
4-
5-
6-

6- SIBLINGS :

anh, chị em :

- 1- Nguyễn Quý
2- Nguyễn Hà
3- Nguyễn thị Hào
4- Nguyễn thị Thiều
5-
6-

E/- EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION
OF YOU OR YOUR SPOUSE. bạn hoặc vợ/ chồng đã có làm việc cho công
sở của chính phủ mỹ hoặc hàng mỹ.

- 1- Name of Person Employed :
họ tên nhân viên

- 2- Dates :
ngày, tháng năm từ

From :

- 1-
2-
3-
4-

to :
tới

3- Title of (last) Positions Held :
chức vụ công việc

From :
1-

To :

2-

3-

4-

4- Agency/ Company/ Office :
Sở/ hãng/ văn phòng

1-

2-

3-

4-

5- Name of (last) Supervisor :
Tên họ người Giám thị

1-

2-

3-

4-

6- Reason for Leaving :
Lý do ra đi

1-

2-

3-

4-

7- Training for job in Viet-Nam :
Nghề nghiệp huấn luyện tại Việt-Nam

8- SERVICE WITH GVN OR RVNAP BY YOU OR YOUR SPOUSE :
Bạn hoặc vợ/ chồng đã công vụ với chính phủ Việt-Nam .

1- Name, of person Serving : Nguyễn - ngọc Cường
họ tên người tham gia

2- Dates :
Ngày, tháng, năm

From : 18 November 1964 To : 30 April 1975
Từ : : : :
tới

3- Last Rank : Captain
cấp bậc cuối cùng

4- Ministry / Office / Military Unit : JMC of Region Cantho.
Bộ/ sở/ đơn vị/ binh chủng

5- Name of Supervisor / S.O. : Colonel Nguyễn Văn Lộc
Họ, tên người Giám thị/ sĩ quan
hạ huy.

6- Reason for Leaving : 30 April 1975
Lý do ra đi

7- Names of American Advisor (S) :
Họ, tên cố vấn Mỹ.

8- U.S. Training Courses in Viet-Nam : Having received a training
Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Việt-Nam.
on aviation public liaisons by US (American advisor captain Cloy avisea
9- US Awards or Certificates : to the Phung Dinh Sector).
Giấy khen hoặc chứng thư do Hoa Kỳ cấp :

(NOTE : PLEASE ATTACH ANY COPIES OF DIPLOMAS, AWARDS OR CERTIFICATES
IF AVAILABLE. AVAILABLE ? YES, NO :)

- 4 -

CHU Ý : xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, Giấy bạn khen, hoặc, chứng thư nếu có, đương sự có không, ? có, không,

G/- TRAINING OUTSIDE VIET-NAM OF YOU OR YOUR SPOUSE :
bạn hoặc vợ/ chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc.

1- Name of Student /Trainees :
Họ tên sinh viên/ người được huấn luyện ,

2- School and School Address :
Trường và địa chỉ nhà trường .

3- Dates : From : To :
Ngày, tháng năm Từ tới

4- Description of Courses :
Mô tả ngành học .

5- who paid for training :
Ai chi trả chương trình huấn luyện :

(NOTE : PLEASE ATTACH COPIES OF DIPLOMAS OR ORDERS, IF AVAILABLE.
AVAILABLE ? YES, NO)

CHU Ý : xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có, bạn có hay không ? có : không :

H/- RE- EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :
bạn hoặc vợ/ chồng đã học tập cải tạo.

1- Name, of person in Re-Education : Nguyễn Ngọc Bửu
họ tên, người đi học tập cải tạo.

2- Total time in Re-education : 5 Years 7 months 19 Days
Tổng cộng thời gian học năm : tháng , ngày
tập cải tạo.

+ (IF RELEASED, WE MUST HAVE A COPY OF YOUR RELEASE CERTIFICATE)
Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại ,

I/- ANY ADDITIONAL REMARK :

- I had my Application mailed to the ODP Bangkok Thailand .

SIGNATURE : 
ky tên

DATE : 30 July 1988
ngày

J/- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE .
xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này.

- 2 copies of my Release certificates
- 2 copies of promotion Resolution .
- 10 copies of birth certificates
- 10 photos .
- 2 copies of the in Service Certificate .

+ 151 SOITHEM SIANG
SATHORN TAI ROAD
BANGKOK THAILAND
10120

+ 127 PANJABHUM BUILDING
SATHORN TAI ROAD
BANGKOK 10120
THAILAND .

III Ơ LƯỢC TIỂU SỬ

A.- Lý lịch căn bản

- Họ và tên : NGUYỄN NGỌC CƯỜNG
- Ngày, nơi sinh : 30-12-1929 tại Bình Định
- Trú quán : 56/12 đường Ba tháng hai Cần Thơ, Hậu Giang Việt Nam
- 1949-1954 : Học sinh tiểu học ở Cột Ninh, Bình Định
- 1954-1958 : Học trường Trung học bên công An Nhơn Bình Định
- 1958-1961 : Học trường trung học Tân Bình Qui Nhơn

B.- Công vụ với chính phủ VNCH

- 23.8.1962 : Giáo viên tiểu học tại Bình Định
- 18.11.1964 : Nhập ngũ là sinh viên sĩ quan Khóa 19 Thủ Đức
- 27.08.1965 : thăng cấp chuẩn úy, chuyển chuyển về tiểu đoàn 63/ĐP, phòng thủ căn cứ không quân Bình thủy.
- 27-08-1967 : Thăng cấp thiếu úy, chức vụ đại đội phó đại đội 633 thuộc tiểu đoàn 63/ĐP.
- Tháng 9-1967 : học khóa căn bản chiến tranh chính trị tại Trung tâm H/L Cái Vồn.
- Tháng 6/1968 Học khóa 8, Đ.Đội phó CTCT, tại trại Nguyễn Trãi, đường Lê Văn Duyệt Sài Gòn.
- Tháng 10/1968 : Học khóa hướng dẫn liên lạc với Phi cơ do Captain CLOY (toán cổ vấn Hoa Kỳ tại tiểu khu Phong dinh) dạy.
- 27.8.1969 : Thăng cấp trung úy, chức vụ đại đội trưởng Đ.Đội 632 phòng thủ căn cứ không quân Bình thủy.
- 27-08-1972 : thăng cấp Đại úy, chức vụ Đại đội trưởng Đ.Đội 632 kiêm sĩ quan đại diện tiểu khu phong dinh cạnh Bộ tư lệnh Sư đoàn 4 không quân.
- Tháng 12-1973 : Chuyển chuyển về đoàn quân sự VNCH/Ban liên hợp quân sự khu vực 7 Cần Thơ, chức vụ sĩ quan quân số liên tục đến 30-4-1975.

C.- Sau 30-4-75

- 01.05.1975 : bị bắt tại Hưng Lợi, giải giam tại Khám lớn Cần Thơ.
Sau đó đưa đi tập trung các nơi : Bình Thủy, U Minh Hạ, Nam Thái Sơn, Vườn Bè, sau cùng đưa đến trại cải tạo Xuyên Mộc, Đồng Nai.
- 20.12.1980 : Được thả về Cần Thơ, quản chế đến 10.2.1982 thả xã chế.
Từ đó đến nay làm thợ may tại nhà.

CẦN THƠ, ngày 30 tháng 7 năm 1988

Đường hi



Nguyễn Ngọc Cường

ĐC NGUYỄN TH
Trại CT Xuyên Mộc
Số : 1026/GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

((7 TÂY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/PT ngày 31/5/1981 của Bộ công an
thi hành quyết định tha số 164 ngày 05/12/1980 của Bộ nội vụ

Nay cấp giấy tha cho anh có tên sau đây

Họ và tên : Nguyễn Ngọc Cương
Sinh ngày : 30/12/1939
Nơi sinh : Sinh định
Nơi ĐKKT trước khi bị bắt : 112 Đường 3-2 Quận I Cần thơ
Hậu giang
Can tội : Lừa tay sai cho Mỹ ngụy (Đại úy - Sĩ quan quân số)
Ngày bị bắt : 01/5/1975 án phạt : 03 năm T.T.C.T
Theo quyết định số 148 ngày 22/8/1978 của Bộ nội vụ
Nay về cư trú tại trú quán trên - Quán chổ 12 tháng

NHÂN XÉT QUÁ TRÌNH CẢI TẠO

Sĩ nhận rõ tội lỗi của bản thân gây ra , khai báo tường để rõ
ràng , học tập có nhiều cố gắng , nhận thức được , thu hoạch
liên hệ kiểm điểm khá , Lao động ở diện rộng (may mặc) mức
độ lao động đạt loại khá . Chấp hành nội quy của trại nghiêm t
túc được tặng 2 giấy khen , 2 giấy biểu dương , kỷ luật không
thất độ đối với cán bộ lễ độ nghiêm túc

Kịp loại cải tạo hai năm 70 và 80 đạt khá

Đề nghị địa phương giải tục giúp đỡ

Đã tay ngón trái phải

Họ tên chữ ký

Ngày 20 tháng 12 năm 1980

Của : Nguyễn Ngọc Cương , Người được cấp giấy

Giám thị

Danh bane số :

Lập tại



Handwritten signature of Nguyễn Ngọc Cương



Nguyễn Ngọc Cương

Hiệu tá : ...

Số: 771/1480

D/S in đơn trình giấy ra ngoài
Đơn LA liên kết của 8929/23/12/80

Liên kết 23/12/80



ĐƠN LA

Phạm Thanh Bình

SAO Y BẢN CHÁNH

Số 8331/SVGP

Hậu Giang ngày 24 tháng 11 năm 1980
CÔNG CHỨNG VIỆN



Nguyễn Việt Bình



Ty Công An Hậu Giang
Ôn: An Thành Phố Cần Thơ
Số: 124/QĐXC.61

() CÔNG AN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

() QUYẾT ĐỊNH XÃ CHẾ

- 000 -

Căn cứ vào chính sách của chính phủ cách mạng
lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam đưa vào biên bản họp dân
được xác nhận của ủy ban phường và đề nghị của CA phường

Anh Nguyễn Văn Cường cấp bậc Đại úy
hiện cư ngụ tại số 112 Thường 2 A phường Xuân Khánh
TP Cần Thơ học tập cải tạo xong 20.12.80 tiếp tục quản
chức là 12 Thường kể từ ngày 20.12.80 đến 20.12.81
thời gian quản chức anh Cường đã tỏ ra tích
cực phấn đấu chấp hành đúng qui định góp phần tham gia mọi
hoạt động của địa phương.

Nay Công An Thành Phố Cần Thơ

() QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Xã chế và phục hồi quyền công dân cho
anh Nguyễn Văn Cường

Điều 2: Văn Phòng Công An TP Cần Thơ, Công an
phường Xuân Khánh chiếu quyết định
thực hành ./.

SAO Y BẢN CHÍNH

Số 8331/STCC

Hậu Giang, ngày 24 tháng 11 năm 1981

CÔNG CHỨNG VIỆN

Ngày 19 Tháng 01 Năm 1982

TP/CÔNG AN THÀNH PHỐ CẦN THƠ



Nguyễn Văn Bình



Tham Văn Quang

Số: 499/TTM/MĐ

Chiều ủy Pháp ngày 19/06/1.965,
Chiều Quyết định số 3/QLVNCH ngày 14/6/1.965, hành
lập và ấn định hành phần ủy Ban Lãnh đạo Quốc gia
Chiều sắc lệnh số 001-A/CT/LNQH/SL ngày 19/6/1.965,
ấn định thành phần ủy Ban Hành Pháp Trung Ương.
Chiều Sắc lệnh số 332/QL ngày 11/11/1.964, ấn định hệ
thống tổ chức Quân lực Việt Nam Cộng Hòa
Chiều sắc lệnh số 139/QP, ngày 7/5/1964 Biện cải Bảo An
An toàn hành địa Phương Quân.
Chiều Nghị định số 390/QP/NĐ, ngày 02/8/1963 của Bộ
Quốc Phòng về việc cải tổ và ấn định lại hành phần tổ chức
địa Phương Quân và Nghĩa Quân.
Chiều Điều Ban và danh sách kết quả thi hành
Sinh viên Sĩ Quan khóa 19 Thủ Đức (Ngành Bộ Binh).

1) / Q H I - D I N H :

ĐIỀU KHOẢN I : Những Sinh Viên Sĩ Quan Địa Phương Quân có
tên dưới đây trúng tuyển thi hành khóa 19 Thủ Đức, được
thăng cấp Chuẩn úy địa Phương Quân và ngày 27/8/1965:

127 NGUYỄN NGỌC CƯỜNG Số quân 194.289.

ĐIỀU KHOẢN II : Tham Mưu Trưởng Liên Quân chiếu nhiệm vụ
thi hành Quyết định này.

NƠI NHẬN:

BCH/TU/BPQ và HQ.
Sao kính gửi:

PHỤ CHU LỊCH UBHQ (V/P/BL)
Phụ Chu Lịch UBHP (V/P/BL)
Bộ Quốc Phòng (VP/BI)
Sao gửi

V/P Tham Mưu Trưởng Liên Quân.
V/P Tham Mưu Phó nhân Viên.
Tổng Cục Quân Huấn.
Tổng nha TC và TQ.
Cục An Ninh Quân Đội.
Bộ Tổng Tham Mưu Phòng I.
Phòng Tổng Quan Trị (Ban Tổng Tham M-u)
(Ban HSP/B4/12DCHL-Cán cấp)
Hố Sơ Lưu Chiếu.

KBC.4.002 Ngày 27 tháng 9 năm 1.965
Thiếu Tướng NGUYỄN HỮU CỎ
Tổng Tham Mưu Trưởng Q.LVNCH.
(Ký tên và đóng dấu)

TRÍCH SAO VÀ BẢN CHÍNH:

KBC.6051, Ngày 14 tháng 3 năm 1.968

Đại úy NGUYỄN VĂN YÊN

Thiếu tá trưởng Tiểu đoàn 63



HÙNG - CHỈ TẠI - NGU
-----000-----

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
PHÁI ĐOÀN QSVNCH/BLHQ82B/TU
ĐOÀN QSVNCH/BLHQ82B/KHU

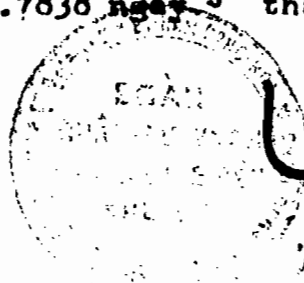
Số: 512/BLHQ8/K7/TMDH/N7.

Đại-Tá NGUYỄN - TIẾN - LỘC
Trưởng Đoàn QS.VNCH/Ban LHQS 2 Bôn/Khu VII

C H Ư Ớ N G - N H Ậ N :

Họ và Tên	:	NGUYỄN - NGOC - CUONG
Cấp bậc	:	Đại-Uý/ĐPQ/ĐU
Số quân	:	39/194.289
Ngày và nơi sinh	:	30-12-1939 tại Bình-Định (TP)
Họ và Tên cha	:	NGUYỄN-HÙNG
Họ và Tên mẹ	:	TỔ-THỊ-CHIỀU
Ngày nhập ngũ	:	13-11-1964
Thời gian gián đoạn Quân-Vụ	:	Không
Hiện phục vụ tại	:	Đoàn QS.VNCH/Ban LHQS 2 Bôn/Khu VII
Lý do	:	Đề bổ túc hồ sơ xin giảm điểm cho con thi vào lớp Sáu .

KBC.7838 ngày 5 tháng 4 năm 1975



54448

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BIÊN NHẬN

— Chúng tôi bộ phận xuất cảnh Công An Tỉnh Hà
Giảng có nhận hồ sơ của Ông Bà Nguyễn Ngọc Công
— Ngụ 162 Đường 30/4 Thị trấn Thủ

— Hồ sơ gồm có — Đài, đủ hồ sơ xin

— Xét duyệt, Miễn diện tích quan

Mong Ông Bà về làm ăn sinh sống bình thường sau
này hết quá chúng tôi thông báo ngay.

CẦN THƠ, ngày 20 tháng 11 năm 19 88
Cán bộ nhận hồ sơ

Thao Land



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS .
Câu hỏi cho người nộp đơn.

A/- BASIC IDENTIFICATION DATE :
 Lý lịch căn bản.

- 1- Name : **NGUYỄN NGỌC CƯỜNG**
 họ tên
- 2- Other Name :
 họ tên khác
- 3- Date /Place of birth : **30 December 1939, Bình Định**
 ngày /nơi sinh
- 4- Residence address : **112, 3 February Road Cantho, Hậu Giang**
 Địa chỉ thường trú
- 5- Mailing address :
 địa chỉ thư từ
- 6- Current Occupation : **Tailor.**
 Nghề nghiệp

B- RELATIVES TO ACCOMPANY ME :
 Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : your spouse and unmarried children are the only relatives Eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : Married (M) , Divorced (D) , Widowed (W) , or single (S) .

(CHÚ Y) : vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi, kê khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M) Đã ly dị (D) góa phụ / góa tử (W) hoặc độc thân (S)

Name : họ tên	Date of Birth ngày tháng năm sinh,	Place of birth nơi sinh , tỉnh trạng gia đình,	Sex, Ms, Relation - ship. liên hệ gia đình.
------------------	---------------------------------------	--	---

- | | | | |
|-----------------------------------|------------------------|------------------|-------------------|
| 1/- Trương Thị Kim Dung | 20 July 1941 | Bình Định | F S spouse |
| 2/- Nguyễn Quang Trường | 4 April 1964 | Bình Định | M S Son |
| 3/- Nguyễn Thị Triệu Vy | 6 January 1967 | Cantho | F S Girl |
| 4/- Nguyễn Thị Phương Thảo | 27 January 1969 | Cantho | F S Girl |
| 5/- | | | |
| 6/- | | | |

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificated, marriage certificated (if married), divorce decrees (if divorced spouse 's death certificate (if widowed) . Identification cards (if available), and Photos, If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in section I below)

CHÚ Y : cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai sinh, gia thu (nếu lập gia đình rồi), giấy ly hôn (giấy ly hôn nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/ chồng (nếu góa phụ/ góa tử) the cần cước (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I).

C/- Relatives Outside Việt-Nam :
 họ hàng ở ngoại quốc .

- 1- Closest relative in the U.S :
 Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ.

a- Name :
 họ và tên

b- Relationship :
 Liên hệ gia đình.

a- Address :
 Địa chỉ

a- Name :
họ , tên :
b- Relationship :
liên hệ gia đình
c- Address :
địa chỉ

2/- CLOS ST RALATIVE IN OTHER FOREIGN COUNTRIES :
bà con thân thuộc nhất ở các nước khác .

a- Name :
họ tên
b- Relationship :
Liên hệ gia đình
c- Address :
Địa chỉ

D/- COMPLETE FAMILY LISTING (LIVING/ DEAD)

Name

Address :

- 1- Father : Nguyễn Hưng (dead)
cha
- 2- Mother : Tô thị Chiêu (dead)
mẹ
- 3- Spouse : Trương thị Kim Dung
vợ/ chồng
- 4- Former Spouse (if any) :
Vợ/ chồng trước (nếu có)
- 5- Children :
con cái
 - 1- Nguyễn quang Trường
 - 2- Nguyễn thị Thiêng Vi
 - 3- Nguyễn thị Phụng Thảo
 - 4-
 - 5-
 - 6-

6- SIBLINGS :

anh, chị em :

- 1- Nguyễn quí
- 2- Nguyễn Hà
- 3- Nguyễn thị Hào
- 4- Nguyễn thị Hân
- 5-
- 6-

E/- EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION
OF YOU OR YOUR SPOUSE. bạn hoặc vợ/ chồng đã có làm việc cho công
sở của chính phủ mỹ hoặc Hàng Mỹ.

1- Name of Person Employed :
họ tên nhân viên

2- Dates :
ngày, tháng năm từ

From :
:1-
2-
3-
4-

to :
tới

3- Title of (last) Positions Held :
chức vụ công việc

From :
11

To :

02-

3-

4-

4- Agency/ Company/ Office :
Sở/hang/ văn phòng

1-

2-

3-

4-

5- Name of (last) Supervisor :
Tên họ người Giám thị

1-

2-

3-

4-

6- Reason for Leaving :
Lý do ra đi

1-

2-

3-

4-

7- Training for job in viet-Nam :
Nghề nghiệp huấn luyện tại Việt-Nam

-

8/- SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE :
Bạn hoặc vợ/ chồng đã công vụ với chính phủ Việt-Nam .

1- Name, of person Serving : *Nguyễn ngọc Cường*
họ tên người tham gia

2- Dates :
Ngày, tháng, năm

From : *18 November 1964* To : *30 April 1975*
Từ tới

3- Last rank : *Captain*
cấp bậc cuối cùng

4- Ministry / Office / Military Unit : *JMC 7 Region Contho*
Bộ/ sở/ đơn vị/ binh chủng

5- Name of Supervisor / C.O. : *Colonel Nguyễn Văn Lộc*
Họ tên người Giám thị/ sĩ quan
bộ huy.

6- Reason for Leaving : *30 April 1975*
Lý do ra đi

7- Names of American Advisor (S) :
Họ tên cố vấn Mỹ.

8- U.S. Training Courses in Viet-Nam : *Having received a training*
Chương trình huấn luyện Hoa kỳ tại Việt-Nam.
on aviation public liaisons by US. (American advisor captain Cloy

9- US Awards or Certificates : *Advisor to the Phogdon Sector).*
Giấy khen hoặc chứng thư do Hoa kỳ cấp :

(NOTE : PLEASE ATTACH ANY COPIES OF DIPLOMAS, AWARDS OR CERTIFICATES
IF AVAILABLE, AVAILABLE ? YES ☒ NO :)

CHÚ Ý : xin bạn kèm theo bất cứ văn bằng, giấy khen, hoặc, chứng thư nếu có, đương sự có không, ? có, không ,

G/- TRAINING OUTSIDE VIET-NAM OF YOU OR YOUR SPOUSE :
bạn hoặc vợ/ chồng đã huấn luyện ở ngoại quốc.

1- Name of Student /Trainee :
Họ tên sinh viên/ người được huấn luyện .

2- School and School Address :
Trường và địa chỉ nhà trường .

3- Dates : From : To :
Ngày, tháng năm Từ tới

4- Description of Courses :
Mô tả ngành học .

5- who paid for training :
Ai đài thọ chương trình huấn luyện :

(NOTE : PLEASE ATTACH COPIES OF DIPLOMAS OR ORDERS, IF AVAILABLE.
AVAILABLE ? YES, NO :)

CHÚ Ý : xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có, bạn có hay không ? có : không :

H/- RE- EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE :
bạn hoặc vợ/ chồng đã học tập cải tạo.

1- Name, of person in Re-Education : *Nguyễn ngọc Cường*
họ tên, người đi học tập cải tạo.

2- Total time in Re-education : 5 Years 7 months 19 Days
Tổng cộng thời gian học năm : tháng , ngày
tập cải tạo.

+ (IF RELEASED, WE MUST HAVE A COPY OF YOUR RELEASE CERTIFICATE)
Nếu được tha, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại ,

F/- ANY ADDITIONAL REMARK :

- I had my Application mailed to the ODP Bangkok Thailand.

SIGNATURE : *[Signature]*
ky ten

DATE : 30 July 1988
ngày

J/- PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE .
xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này.

- 2 copies of my Release certificates
- 2 copies of promotion Resolution
- 10 copies of birth certificates
- 10 photos
- 2 copies of the in Service certificate

+ 131 SOITIEU SIANG
SATHORN TAI ROAD
BANGKOK THAILAND
10120

+ 127 PANJABHUM BUILDING
SATHORN TAI ROAD
BANGKOK 10120
THAILAND .

LƯỢC TIỂU SỬ

A.- Lý lịch căn bản.

- Họ và tên : **NGUYỄN NGỌC CƯỜNG**
- Ngày, nơi sinh : **30-12-1939 tại Bình Định**
- Trú quán : **Ấp M2 đường Ba tháng hai Cánh Thơ, Hậu Giang, Việt Nam**
- 1949 - 1954 : Học sinh tiểu học ở Cột Minh, Bình Định
- 1954 - 1958 : Học trường Trung học bên công An Nhơn Bình Định
- 1958 - 1961 : Học trường trung học Tân Bình Qui Nhơn

B.- Công vụ với chính phủ VNCH

- 23.8.1962 : Giáo viên tiểu học tại Bình Định
- 18.11.1964 : Nhập ngũ lễ sinh viên sĩ quan Khóa 19 Thủ Đức
- 27.08.1965 : thăng cấp chuẩn úy, chuyển về tiểu đoàn 63/ĐP, phòng thủ căn cứ không quân Bình Thủy.
- 27-08-1967 : Thăng cấp thiếu úy, chức vụ đại đội phó đại đội 633 thuộc tiểu đoàn 63/ĐP.
- Tháng 9 - 1967 : học khóa căn bản chiến tranh chính trị tại Trung tâm H/L Cối Vòn.
- Tháng 6/1968 Học khóa 8, Đ.Đội phó CTCT, tại trại Nguyễn Trãi, đường Lê Văn Duyệt Sài Gòn.
- Tháng 10/1968 : Học khóa hướng dẫn liên lạc với Phi cơ do Captain Choy (toán cổ vấn Hoa Kỳ tại tiểu khu Phong dinh) dạy.
- 27.8.1969 : Thăng cấp trung úy, chức vụ đại đội trưởng Đ.Đội 632 phòng thủ căn cứ không quân Bình Thủy.
- 27-08-1972 : thăng cấp Đại úy, chức vụ Đại đội trưởng ĐĐ 632 kiêm sĩ quan đại diện tiểu khu phong dinh cạnh Bộ tư lệnh Sư đoàn 4 không quân.
- Tháng 12-1973 : Chuyển chuyển về đoàn quân sự VNCH/Ban liên hợp quân sự khu vực 7 Cánh Thơ, chức vụ sĩ quan quân số liên tục đến 30-4-1975.

C.- Sau 30-4-75

- 01.05.1975 : bị bắt tại Hưng Lợi, giải giam tại Khố lớn Cánh Thơ. Sau đó đưa đi tập trung các nơi : Bình Thủy, U Minh Hạ, Nam Thái Sơn, Vườn Đào, sau cùng đưa đến trại cải tạo Xuyên Mộc, Đồng Nai.
- 20.12.1980 : Được thả về Cánh Thơ, quản chế đến 10.2.1982 thi xê chế. Từ đó đến nay làm thợ may tại nhà.

CÁNH THƠ, ngày 30 tháng 7 năm 1988

Đã ký

Nguyễn Ngọc Cường